

Số: 105 /CBTT-VOSA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Đại lý Hàng hải Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Riêng năm 2024 (đã được kiểm toán) với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

- Mã chứng khoán: VSA

- Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 5, số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM

- Điện thoại liên hệ: (028) 54161820 / 54161821 / 54161822

- Email: vosagroup@vosagroup.com

Website: www.vosa.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Riêng năm 2024.

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/03/2025 tại đường dẫn: <https://vosa.com.vn/co-dong/bao-cao-tai-chinh/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2024.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/ tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);

- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đại diện công bố thông tin

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Riêng năm 2024;



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 46

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 từ trang 7 đến trang 46 kèm theo.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300437898 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 03 tháng 07 năm 2023.

Trụ sở chính: Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ và Thương mại hàng hải.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Tiến Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Trần Tuấn Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Nguyễn Đình Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Trần Hồng Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Đặng Hồng Trường	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Nguyễn Thế Tiệp	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Vũ Phước Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/05/2024
Bà Nguyễn Bích Thảo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2024

Ban Kiểm soát

Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Hoàng Việt	Trưởng ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Nguyễn Sơn Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2024

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Tú	Phó Tổng Giám đốc phụ trách	Bổ nhiệm ngày 02/05/2024
Ông Vũ Phước Long	Phó Tổng Giám đốc phụ trách	Miễn nhiệm ngày 02/05/2024
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Phó Tổng Giám đốc	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Trường phòng Tài chính kế toán của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Đỗ Tiến Đức - Chủ tịch HĐQT.

Theo Quyết định số 86/QĐ-VOSA/HĐQT ngày 22/05/2024, Ông Nguyễn Đình Tú thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Giám đốc điều hành từ ngày 22/05/2024 đến ngày 31/12/2024 và cho đến thời điểm lập Báo cáo này.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo, ngoại trừ sự kiện đã được nêu tại Thuyết minh số 33.2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Người sử dụng Báo cáo tài chính nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đình Tu

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 03 năm 2025, từ trang 7 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính của Ban Tổng Giám đốc.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác và công ty này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 29/03/2024.



Phan Thanh Điền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 1496-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Tuyết Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 3558-2021-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		392.129.657.484	489.830.501.675
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	193.056.613.420	187.193.875.213
Tiền	111		72.834.613.420	120.073.875.213
Các khoản tương đương tiền	112		120.222.000.000	67.120.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	26.620.000.000	24.220.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		26.620.000.000	24.220.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		154.255.036.998	261.620.158.976
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	107.494.747.366	223.775.274.347
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	9.296.607.219	12.470.738.324
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	37.733.626.307	25.596.154.394
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(269.943.894)	(222.008.089)
Tài sản ngắn hạn khác	150		18.198.007.066	16.796.467.486
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	4.693.068.881	2.831.285.385
Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.403.819.503	13.879.355.033
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	101.118.682	85.827.068
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		184.164.246.516	143.011.212.759
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.287.477.825	1.873.370.300
Phải thu dài hạn khác	216	9	2.287.477.825	1.873.370.300
Tài sản cố định	220		50.312.355.504	62.534.439.513
Tài sản cố định hữu hình	221	12	33.441.124.527	44.409.910.341
- Nguyên giá	222		140.952.169.736	159.390.308.232
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(107.511.045.209)	(114.980.397.891)
Tài sản cố định vô hình	227	13	16.871.230.977	18.124.529.172
- Nguyên giá	228		22.040.639.643	22.804.121.024
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.169.408.666)	(4.679.591.852)
Bất động sản đầu tư	230	14	14.586.138.347	17.729.286.105
- Nguyên giá	231		75.678.647.555	74.746.984.356
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(61.092.509.208)	(57.017.698.251)
Tài sản dở dang dài hạn	240		204.141.667	204.141.667
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		204.141.667	204.141.667
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	63.649.376.723	4.522.264.889
Đầu tư vào công ty con	251		60.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		7.248.600.000	7.248.600.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.694.103.664	2.194.103.664
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.293.326.941)	(4.920.438.775)
Tài sản dài hạn khác	260		53.124.756.450	56.147.710.285
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	53.124.756.450	56.147.710.285
TỔNG TÀI SẢN	270		576.293.904.000	632.841.714.434

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã	Thuyết minh	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		239.910.423.423	260.760.310.385
Nợ ngắn hạn	310		238.105.935.539	259.241.822.501
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	86.618.465.771	93.379.089.688
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	10.330.182.169	4.985.719.646
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	7.320.794.361	12.944.305.058
Phải trả người lao động	314		22.727.633.702	20.879.253.512
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	9.010.747.801	5.991.059.540
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		148.545.452	1.103.704.544
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	94.884.009.316	112.332.209.327
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.065.556.967	7.626.481.186
Nợ dài hạn	330		1.804.487.884	1.518.487.884
Phải trả dài hạn khác	337	20	1.804.487.884	1.518.487.884
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		336.383.480.577	372.081.404.049
Vốn chủ sở hữu	410	21	336.383.480.577	372.081.404.049
Vốn góp của chủ sở hữu	411		140.964.860.000	140.964.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		140.964.860.000	140.964.860.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		165.913.555.864	157.223.257.335
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.505.064.713	73.893.286.714
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		13.786.048.697	31.139.576.255
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		15.719.016.016	42.753.710.459
TỔNG NGUỒN VỐN	440		576.293.904.000	632.841.714.434

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Lan

Trưởng phòng TCKT

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Nguyễn Đình Tú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	825.969.632.896	1.083.660.323.662
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		825.969.632.896	1.083.660.323.662
Giá vốn hàng bán	11	24	760.154.997.538	999.632.880.468
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		65.814.635.358	84.027.443.194
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	15.833.549.155	33.183.983.084
Chi phí tài chính	22	26	3.714.273.014	3.058.707.152
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	59.527.396.509	73.755.712.449
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.406.514.990	40.397.006.677
Thu nhập khác	31	28	1.892.032.615	14.541.752.880
Chi phí khác	32	29	378.294.362	932.885.906
Lợi nhuận khác	40		1.513.738.253	13.608.866.974
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.920.253.243	54.005.873.651
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	4.201.237.227	11.252.163.192
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.719.016.016	42.753.710.459

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu


Nguyễn Thị Phương Lan

Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



Nguyễn Đình Tú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		19.920.253.243	54.005.873.651
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		8.936.389.739	10.802.361.549
Các khoản dự phòng	03		420.823.971	114.464.068
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		223.402.502	207.523.056
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(5.984.844.930)	(22.701.889.376)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.516.024.525	42.428.332.948
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		106.322.935.993	(38.604.073.569)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		-	15.158.278.731
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(17.533.789.087)	(54.422.304.156)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.161.170.339	4.230.907.276
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.943.690.883)	(9.184.821.533)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.869.108.507)	(5.791.689.215)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		99.653.542.380	(46.185.369.518)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.717.715.310)	(4.652.663.637)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		134.360.270	420.490.726
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.400.000.000)	(1.000.000.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(51.681.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		500.000.000	21.260.063.450
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.722.063.494	8.400.220.709
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(49.442.291.546)	24.428.111.248
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(45.121.475.200)	(35.241.215.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(45.121.475.200)	(35.241.215.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5.089.775.634	(56.998.473.270)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	187.193.875.213	243.545.992.765
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		772.962.573	646.355.718
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	193.056.613.420	187.193.875.213

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Lan

Trưởng phòng TCKT

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Nguyễn Đình Tú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300437898 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 03 tháng 07 năm 2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 là 140.964.860.000 đồng, được chia thành 14.096.486 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính: Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên Công ty (bao gồm nhân viên Văn phòng Công ty và nhân viên của các Chi nhánh trực thuộc Công ty) tại ngày 31/12/2024 là 338 người (tại ngày 31/12/2023 là 498 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Dịch vụ và Thương mại hàng hải.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là đại lý vận tải, đại lý tàu, cho thuê kho bãi, bán hàng hóa.

1.4 CHU KỶ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý thương mại và dịch vụ hàng hải (CN Vitamas) (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý Vận tải quốc tế phía Bắc (*)	Thành phố Hải Phòng	Đại lý tàu hàng hải và môi giới thuê tàu; Giao nhận, vận tải hàng công trình; Giao nhận; vận tải biển
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Vũng Tàu	Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Phương Đông	Thành phố Hải Phòng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải, Kiểm đếm hàng rời, hàng công. Đại lý vận tải đường hàng không, đường biển
7	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Đại lý vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Văn phòng cho thuê; Môi giới và thuê tàu
8	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Nha Trang	Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
9	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
10	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Bến Thủy	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Đại lý vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Văn phòng cho thuê; Môi giới và thuê tàu
11	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Quy Nhơn	Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
12	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Hà Nội	Thành phố Hà Nội	Đại lý giao nhận vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Dịch vụ kho bãi và phân phối
13	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Cần Thơ (*)	Thành phố Cần Thơ	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
14	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý dịch vụ hàng hải và thương mại (Samtra) (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
15	Công ty TNHH Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc (Công ty con) (**)	Thành phố Hải Phòng	Đại lý hàng hải và môi giới thuê tàu; Giao nhận vận tải hàng công trình; Giao nhận, vận tải đường biển
16	Công ty TNHH Vitamas (Công ty con) (**)	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải: Môi giới và dịch vụ hàng hải, Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan,...)
17	Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam) (Công ty liên kết) (**)	Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ô tô: hoạt động tiếp nhận, lưu kho và quản lý thông tin đến vận chuyển và lưu kho hàng hóa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)**1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

(*) Các chi nhánh này hiện đang tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh.

(**) Công ty có 02 Công ty con và 01 Công ty liên kết. (chi tiết tại Thuyết Minh số 15)

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”), và Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Người sử dụng Báo cáo tài chính nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)**

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.7 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.7 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

4.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Ngoài ra, Công ty ghi nhận tăng nguyên giá TSCĐ là Nhà cửa, vật kiến trúc là toàn bộ giá trị cải tạo nội thất văn phòng với nguyên giá khoảng 2,97 tỷ đồng và đã thực hiện khấu hao trong 40 năm theo thời gian thuê.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 44
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Quyền sử dụng đất	33 - 50
Phần mềm vi tính	03 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.10 NGUYÊN TẮC Ghi nhận và khấu hao Bất động sản Đầu tư**

Bất động sản đầu tư (“BĐSDT”) được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

Khấu hao của Bất động sản đầu tư được xác định theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao được ước tính đối với nhóm tài sản Nhà cửa, vật kiến trúc là 05 - 20 năm.

4.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.12 NGUYÊN TẮC Ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

Đối với việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn sản phẩm, hàng hoá bất động sản:

- Công ty trích trước vào giá vốn hàng bán đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng.
- Số chi phí trích trước được tạm tính và số chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận vào giá vốn hàng bán tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hoá bất động sản được xác định là đã bán trong kỳ và đủ tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu (được xác định theo diện tích).

4.13 NGUYÊN TẮC Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.13 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.14 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.15 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động bán bất động sản, cung cấp dịch vụ và hoạt động xây dựng.

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Công ty không trình bày thuyết minh này trên Báo cáo tài chính vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 28 về “Báo cáo Bộ phận” yêu cầu trong trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về Báo cáo bộ phận theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

4.17 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, Bên liên quan của Công ty là các Công ty con, Công ty liên kết do Công ty đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	75.949.752	511.597.616
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	72.758.663.668	119.562.277.597
- Các khoản tương đương tiền (*)	120.222.000.000	67.120.000.000
Cộng	193.056.613.420	187.193.875.213

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 1,50% - 4,75%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	26.620.000.000	26.620.000.000	24.220.000.000	24.220.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	26.620.000.000	26.620.000.000	24.220.000.000	24.220.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP. HCM	25.620.000.000	25.620.000.000	24.220.000.000	24.220.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	26.620.000.000	26.620.000.000	24.220.000.000	24.220.000.000

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 2,8% - 4,3%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	107.494.747.366	(173.346.488)	223.775.274.347	(125.410.683)
- Công ty Cổ phần Than cảng Sài Gòn	-	-	58.732.114.604	-
- Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	23.910.382.470	-	42.354.563.913	-
- Tổng Công Ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP	7.008.672.607	-	3.704.865.052	-
- Cục dự trữ Nhà nước Khu vực Đông Bắc	-	-	20.594.864.484	-
- Công ty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	-	-	12.218.324.395	-
- Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	-	-	4.827.400.819	-
- Công ty Cổ phần Hyundai Aluminum Vina	-	-	4.337.918.551	-
- Công ty Cổ phần Alk Vina	-	-	4.092.073.153	-
- Các đối tượng còn lại	76.575.692.289	(173.346.488)	72.913.149.376	(125.410.683)
b) Dài hạn	-	-	-	-
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:	2.571.299.164	(125.410.683)	1.412.717.046	(125.410.683)
- Công ty Vận tải biển VIMC	-	-	1.084.392.040	-
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	(125.410.683)	125.410.683	(125.410.683)
- Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	60.000.000	-	91.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	36.586.080	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	64.800.000	-	85.404.323	-
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	429.355.145	-	-	-
- Công ty Cổ Phần Vận Tải Container VIMC	387.800.000	-	-	-
- Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam	15.142.800	-	-	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải	-	-	26.510.000	-
- Công ty TNHH Đại Lý Vận Tải Quốc Tế Phía Bắc	1.452.204.456	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	9.296.607.219	-	12.470.738.324	-
- Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh	3.998.257.444	-	6.213.381.482	-
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Khu vực III	-	-	812.713.731	-
- Các đối tượng còn lại	5.298.349.775	-	5.444.643.111	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-	314.883.834	-
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	-	-	314.883.834	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***9. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	37.733.626.307	(96.597.406)	25.596.154.394	(96.597.406)
- Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	1.573.644.014	-	1.433.774.236	-
- Phải thu KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	33.543.534	-	50.884.494	-
- Tạm ứng	1.227.386.447	-	1.027.945.765	-
- Ký cược, ký quỹ	7.324.748.437	-	7.814.863.424	-
- Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ cho các hãng tàu	23.511.084.112	(96.597.406)	10.704.450.178	(96.597.406)
- Phải thu tiền cược cont	-	-	1.170.000.000	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác (*)	-	-	1.500.000.000	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	760.113.820	-	944.005.094	-
- Phải thu khác	3.303.105.943	-	950.231.203	-
b) Dài hạn	2.287.477.825	-	1.873.370.300	-
- Ký cược, ký quỹ	2.287.477.825	-	1.873.370.300	-
Cộng	40.021.104.132	(96.597.406)	27.469.524.694	(96.597.406)

(*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Cảng và Năng lượng Bình Dương theo Hợp đồng hợp tác tìm kiếm quỹ đất để kinh doanh vỏ Container và khai thác ICD thiết lập chuỗi dịch vụ Logistics khép kín số 01/VOSA-CNLBD/2022 ngày 20/12/2022. Đến ngày 31/12/2024, Công ty đã tất toán Hợp đồng hợp tác này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***10. NỢ XẤU**

	Tại 31/12/2024			Tại 01/01/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	-	(125.410.683)	125.410.683	-	(125.410.683)
- Shipping Corporation of India	96.597.406	-	(96.597.406)	96.597.406	-	(96.597.406)
- Công ty TNHH MTV Vận Tải Viễn Dương Vinashin	95.871.610	47.935.805	(47.935.805)	-	-	-
Cộng	317.879.699	47.935.805	(269.943.894)	222.008.089	-	(222.008.089)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.693.068.881	2.831.285.385
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	49.261.444	1.538.607.430
- Chi phí dịch vụ bảo trì	-	1.036.793.270
- Chi phí sửa chữa tài sản	189.589.034	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.454.218.403	255.884.685
b) Dài hạn	53.124.756.450	56.147.710.285
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	62.187.209	325.983.139
- Tiền thuê đất trả trước (*)	53.034.308.231	54.346.048.499
- Chi phí sửa chữa tài sản	-	1.412.257.012
- Chi phí trả trước dài hạn khác	28.261.010	63.421.635
Cộng	57.817.825.331	58.978.995.670

(*) Đây là các khoản tiền thuê đất Công ty đã trả tiền thuê đất một lần cho cả thời hạn thuê của các lô đất tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hải Phòng.

Trong đó chủ yếu là khoản trả trước tiền thuê đất một lần tại số 25 phố Điện Biên Phủ, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng cho thời hạn thuê 50 năm (từ ngày 24/06/2016 đến ngày 24/06/2066). Công ty đã hoàn tất các thủ tục và đã được nhà nước cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" vào ngày 17/05/2017 với giá trị ghi nhận ban đầu của quyền sử dụng đất là 60.896.981.000 đồng. Giá trị còn lại chưa phân bổ tại ngày 31/12/2024 là 50.848.979.162 đồng (số liệu ghi nhận tại ngày 01/01/2024 là 52.066.918.778 đồng, tiền thuê đất trả trước đã phân bổ trong năm 2024 là 1.319.434.584 đồng). Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAMLầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2024	97.692.012.106	55.677.899.455	6.020.396.671	159.390.308.232
- Mua trong năm	-	1.549.533.492	-	1.549.533.492
- Góp vốn đầu tư công ty con	-	(19.481.029.577)	-	(19.481.029.577)
- Thanh lý, nhượng bán	(448.278.775)	-	-	(448.278.775)
- Giảm khác	(58.363.636)	-	-	(58.363.636)
Tại 31/12/2024	97.185.369.695	37.746.403.370	6.020.396.671	140.952.169.736
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2024	(66.686.699.252)	(42.840.239.354)	(5.453.459.285)	(114.980.397.891)
- Khấu hao trong năm	(2.217.673.845)	(1.904.989.002)	(249.099.121)	(4.371.761.968)
- Góp vốn đầu tư công ty con	-	11.375.083.589	-	11.375.083.589
- Thanh lý, nhượng bán	448.278.775	-	-	448.278.775
- Giảm khác	17.752.286	-	-	17.752.286
Tại 31/12/2024	(68.438.342.036)	(33.370.144.767)	(5.702.558.406)	(107.511.045.209)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2024	31.005.312.854	12.837.660.101	566.937.386	44.409.910.341
Tại 31/12/2024	28.747.027.659	4.376.258.603	317.838.265	33.441.124.527

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 70.153.754.675 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 71.834.876.944 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAMLầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2024	18.659.091.724	4.145.029.300	22.804.121.024
- Mua trong năm	-	168.181.818	168.181.818
- Chuyển sang BĐS đầu tư	(931.663.199)	-	(931.663.199)
Tại 31/12/2024	17.727.428.525	4.313.211.118	22.040.639.643
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2024	(2.133.018.407)	(2.546.573.445)	(4.679.591.852)
- Khấu hao trong năm	(185.173.503)	(449.197.570)	(634.371.073)
- Chuyển sang BĐS đầu tư	144.554.259	-	144.554.259
Tại 31/12/2024	(2.173.637.651)	(2.995.771.015)	(5.169.408.666)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2024	16.526.073.317	1.598.455.855	18.124.529.172
Tại 31/12/2024	15.553.790.874	1.317.440.103	16.871.230.977

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 2.108.079.300 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 2.826.939.300 đồng).

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2024 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại 01/01/2024 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ	75.678.647.555	931.663.199	-	74.746.984.356
- Nhà cửa vật kiến trúc	75.678.647.555	931.663.199	-	74.746.984.356
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	61.092.509.208	4.074.810.957	-	57.017.698.251
- Nhà cửa vật kiến trúc	61.092.509.208	4.074.810.957	-	57.017.698.251
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	14.586.138.347	(3.143.147.758)	-	17.729.286.105
- Nhà cửa vật kiến trúc	14.586.138.347	(3.143.147.758)	-	17.729.286.105

Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê tại ngày 31/12/2024 là 4.147.498.575 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 4.147.498.575 đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Tại 31/12/2024			Tại 01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào công ty con	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-	-	-
+ Công ty TNHH Đại lý Vận tải Quốc tế phía Bắc (1)	35.000.000.000	-	35.000.000.000	-	-	-
+ Công ty TNHH Vitamas (2)	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	7.248.600.000	(5.293.326.941)	1.955.273.059	7.248.600.000	(4.920.438.775)	2.328.161.225
+ Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	7.248.600.000	(5.293.326.941)	1.955.273.059	7.248.600.000	(4.920.438.775)	2.328.161.225
- Đầu tư vào đơn vị khác	1.694.103.664	-	1.694.103.664	2.194.103.664	-	2.194.103.664
+ Công ty Cổ phần VIMC Logistics	-	-	-	500.000.000	-	500.000.000
+ Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải (Việt Nam) (3)	1.072.836.000	-	1.072.836.000	1.072.836.000	-	1.072.836.000
+ Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam) (4)	63.746.040	-	63.746.040	63.746.040	-	63.746.040
+ Công ty liên doanh Bông Sen (5)	557.521.624	-	557.521.624	557.521.624	-	557.521.624
Cộng	68.942.703.664	(5.293.326.941)	63.649.376.723	9.442.703.664	(4.920.438.775)	4.522.264.889

(*) Năm tài chính 31/12/2024, Công ty không tiến hành đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết do chưa có đầy đủ cơ sở để đánh giá. Vì vậy, Công ty trình bày giá trị hợp lý bằng giá gốc trừ các khoản dự phòng.

- (1) Căn cứ theo Quyết định số 259/QĐ-VOSA/HĐQT ngày 21/11/2023, HĐQT Công ty đã quyết định thành lập Công ty TNHH Đại lý Vận tải Quốc tế Phía Bắc trên cơ sở chấm dứt và chuyển đổi mô hình hoạt động từ chi nhánh hạch toán phụ thuộc là chi nhánh Công ty – Đại lý Vận tải Quốc tế Phía Bắc, tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ và tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%.
- (2) Căn cứ theo Quyết định số 258/QĐ-VOSA/HĐQT ngày 21/11/2023, HĐQT Công ty đã quyết định thành lập Công ty TNHH Vitamas trên cơ sở chấm dứt và chuyển đổi mô hình hoạt động từ chi nhánh hạch toán phụ thuộc là chi nhánh Công ty – Đại lý Thương mại và Dịch vụ Hàng hải (Vitamas), tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ và tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC (TIẾP)

- (3) Ngày 01/04/2014, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd thành lập Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam với vốn điều lệ 100.000 USD, tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51%. Theo hợp đồng liên doanh được ký kết với Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd vào ngày 10/09/2013, VOSA sẽ trao cho Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd quyền được quản lý, kiểm soát Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải (Việt Nam) đổi lại VOSA sẽ nhận được khoản phí quản lý cố định hàng năm là 40.000 USD từ Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd. Phần lợi nhuận của liên doanh hàng năm vẫn được chia theo tỷ lệ góp vốn của hai bên.
- (4) Ngày 26/03/2014, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd (YLSG) thỏa thuận ký kết hợp đồng chuyển nhượng vốn. Theo đó, VOSA đồng ý chuyển nhượng một phần vốn góp trong Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam) (sau đây gọi là "Công ty") tương ứng với 50% vốn điều lệ (tương đương 200.000 USD). Theo hợp đồng chuyển nhượng, VOSA sẽ tiếp tục được chia lợi nhuận từ số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty lũy kế đến 31/03/2014 theo tỷ lệ góp vốn trước thời điểm chuyển nhượng (tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51%, YLSG là 49%) và khoản lợi nhuận này sẽ được chia cho các bên theo bảy (07) đợt thanh toán hằng năm bằng nhau trong bảy (07) năm tài chính sau ngày 31/03/2014 (phân kỳ 07 năm từ 2014 - 2020), mỗi kỳ VOSA nhận được số tiền 15,5 tỷ đồng. Sau ngày 31/03/2014, Công ty chia lợi nhuận từ các khoản lợi nhuận sau thuế khác, VOSA được nhận khoản lợi tức đảm bảo là 5.000 USD và YLSG được nhận các khoản lợi nhuận sau thuế còn lại của Công ty sau khi trừ đi các khoản lợi tức đảm bảo.
- (5) Được thành lập năm 1991, Công ty Liên doanh Bông sen (Cảng LOTUS) là đơn vị liên doanh đầu tiên tại Việt Nam trong lĩnh vực khai thác cảng biển Quốc tế giữa Công ty VIETTRANS, VOSA, và đối tác nước ngoài BLASCO - Ukraine. Tại Công ty này, VOSA có vốn góp ban đầu là 23.705 USD với tỷ lệ góp vốn là 0,27%. Hằng năm, liên doanh đều chia lãi liên doanh và giữ lại một phần lợi nhuận để tái đầu tư. Số tiền lãi VOSA thực nhận hằng năm không đáng kể do tỷ lệ góp vốn thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC (TIẾP)**

Thông tin bổ sung về công ty con	Tại 31/12/2024			Tại 01/01/2024		
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
+ Công ty TNHH Đại lý Vận tải Quốc tế phía Bắc	-	100,00%	100,00%	-	-	-
+ Công ty TNHH Vitamas	-	100,00%	100,00%	-	-	-

Thông tin bổ sung về công ty liên kết	Tại 31/12/2024			Tại 01/01/2024		
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
+ Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	-	20,00%	20,00%	-	20,00%	20,00%

Thông tin bổ sung về công ty con, công ty liên kết (tiếp)	Vốn điều lệ tại 31/12/2024 (VND)	Vốn thực góp tại 31/12/2024 (VND)	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con				
+ Công ty TNHH Đại lý Vận tải Quốc tế phía Bắc	35.000.000.000	35.000.000.000	Số 25 Điện Biên Phủ, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	Đại lý, kiểm đếm hàng hóa; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý tàu biển và đại lý hàng hải; Vận tải Container bằng đường bộ
+ Công ty TNHH Vitamas	25.000.000.000	25.000.000.000	44 - 46 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP HCM, Việt Nam.	Đại lý vận tải, đại lý tàu, cho thuê kho bãi, bán hàng hóa.
Công ty liên kết				
+ Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	36.243.000.000	36.243.000.000	Phòng 604, Saigon Riverside Center, số 2A-4A Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ô tô: hoạt động tiếp nhận, lưu kho và quản lý thông tin đến vận chuyển và lưu kho hàng hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngắn hạn	86.618.465.771	86.618.465.771	93.379.089.688	93.379.089.688
- Công ty Cổ Phần Cảng Quảng Ninh	6.200.153.767	6.200.153.767	748.724.542	748.724.542
- Công ty TNHH Thăng Lá	8.776.868.864	8.776.868.864	10.893.899.535	10.893.899.535
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thủy Hoàng Anh	5.423.090.820	5.423.090.820	8.518.970.665	8.518.970.665
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Logistics Hải Long	-	-	7.615.832.096	7.615.832.096
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tiến Bộ	-	-	5.938.557.120	5.938.557.120
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Cầu cảng Đa Phúc	3.365.820.599	3.365.820.599	4.463.370.582	4.463.370.582
- Công ty TNHH Vn Anlogs	3.475.007.491	3.475.007.491	2.950.499.859	2.950.499.859
- Các đối tượng còn lại	59.377.524.230	59.377.524.230	52.249.235.289	52.249.235.289
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	86.618.465.771	86.618.465.771	93.379.089.688	93.379.089.688
c) Phải trả người bán là các bên liên quan	3.876.059.916	3.876.059.916	261.098.684	261.098.684
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	254.201.458	254.201.458	67.618.206	67.618.206
- Công ty Cổ phần Lai đất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	-	-	184.777.190	184.777.190
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Cảng Tân Thuận	-	-	8.703.288	8.703.288
- Công ty TNHH Cảng Công - ten - nơ Quốc tế Cái Lân	3.575.217.879	3.575.217.879	-	-
- Tổng công ty Hàng Hải Việt nam - CTCP	20.000.000	20.000.000	-	-
- Công ty TNHH Vitamas	26.640.579	26.640.579	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngắn hạn	10.330.182.169	10.330.182.169	4.985.719.646	4.985.719.646
- Chi nhánh Công ty TNHH Liên Doanh Cát Phú Quảng Ninh - Phú Thọ	2.546.287.437	2.546.287.437	-	-
- Hachiuma Steamship Co., Ltd	1.552.992.691	1.552.992.691	1.501.828.177	1.501.828.177
- Cargill International S.A	-	-	636.355.871	636.355.871
- Gio Shipping Co., Ltd	278.744.483	278.744.483	329.407.837	329.407.837
- Các đối tượng còn lại	5.952.157.558	5.952.157.558	2.518.127.761	2.518.127.761
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	10.330.182.169	10.330.182.169	4.985.719.646	4.985.719.646

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2024		Số phát sinh trong năm		Tại 01/01/2024	
	Phải thu VND	Phải trả VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế giá trị gia tăng	-	471.623.373	8.090.462.605	8.634.194.072	-	1.015.354.840
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.918.129.526	4.201.237.227	6.943.690.883	-	4.660.583.182
Thuế thu nhập cá nhân	101.118.682	401.870.269	2.963.683.989	2.921.461.997	84.366.336	342.895.931
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	727.933.457	6.038.284.707	5.894.791.539	-	584.440.289
Các loại thuế khác	-	3.801.237.736	32.426.986.827	34.924.150.488	1.460.732	6.299.862.129
<i>Các loại thuế khác</i>	-	-	<i>21.000.000</i>	<i>21.000.000</i>	-	-
<i>Thuế GTGT, TNDN của Nhà thầu nước ngoài</i>	-	<i>3.801.237.736</i>	<i>32.405.986.827</i>	<i>34.903.150.488</i>	<i>1.460.732</i>	<i>6.299.862.129</i>
Các khoản lệ phí, phạt thuế	-	-	196.474.119	237.642.806	-	41.168.687
Cộng	101.118.682	7.320.794.361	53.917.129.474	59.555.931.785	85.827.068	12.944.305.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	9.010.747.801	5.991.059.540
- Trích trước giá vốn dịch vụ đã cung cấp	6.798.753.561	5.285.528.151
- Thù lao	569.651.840	-
- Trích trước chi phí thuê đất	12.952.727	268.514.742
- Các khoản trích trước khác	1.629.389.673	437.016.647
b) Dài hạn	-	-
Cộng	9.010.747.801	5.991.059.540

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	94.884.009.316	112.332.209.327
- Kinh phí công đoàn, các khoản BHXH	707.342.716	1.172.701.526
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	466.783.335	479.503.335
- Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	5.546.990.000	7.018.740.000
- Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	64.278.904.090	72.617.406.911
+ <i>Sinotrans Container Lines Co.Ltd</i>	11.737.124.908	28.605.910.867
+ <i>Shanghai Zhonggu Logistics Co.Ltd (1)</i>	9.551.170.338	9.552.536.961
+ <i>Namsung Tax (2)</i>	3.727.848.513	1.879.607.954
+ <i>Grand China Shipping Co., Ltd.</i>	1.328.360.089	-
+ <i>Các đối tượng khác</i>	37.934.400.242	32.579.351.129
- Tiền ký ngân của các hãng tàu	19.117.837.492	25.731.561.487
- Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam (3)	3.737.387.440	3.737.387.440
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.028.764.243	1.574.908.628
b) Dài hạn	1.804.487.884	1.518.487.884
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.804.487.884	1.518.487.884
Cộng	96.688.497.200	113.850.697.211

(1) Là khoản phải trả cho Shanghai Zhonggu Logistics Co., Ltd, có giá trị là 9.551.170.338 đồng phát sinh từ nhiều năm trước, nguyên nhân do Chi nhánh kinh doanh dịch vụ Liner, thực hiện thu hộ Khách hàng của Hãng tàu (trong đó Khách hàng cam kết không đòi trả lấy tiền thừa), xuất hóa đơn và trả lại cho Hãng tàu (trong đó có phát sinh khoản chênh lệch do Hãng tàu chỉ tính theo ngày công, dịch vụ đã cung cấp còn khách hàng thanh toán đầy đủ theo hóa đơn). Vì vậy, khoản chênh lệch này được lũy kế hình thành trong nhiều năm trước và chưa xác định được đối tượng phải trả cụ thể lũy kế số dư đến ngày 31/12/2024 là 9.551.170.338 đồng. Theo Thư xác nhận tại ngày 08/10/2024 của Hãng tàu Shanghai Zhonggu Logistics Co., Ltd về việc xác nhận số dư tại ngày 31/12/2023, đã xác nhận tại ngày 31/12/2023 Chi nhánh không còn số dư nợ phải thu hay nợ phải trả (trong năm 2024 không phát sinh thêm giao dịch nào khác), nên Chi nhánh tiếp tục theo dõi và xử lý trong thời gian tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

20. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP)

(2) Là khoản phải trả về thuế nhà thầu (thuế VAT và thuế TNDN của nhà thầu) của Hãng tàu Namsung phát sinh từ nhiều năm trước lũy kế đến ngày 31/12/2024 là 3.727.848.513 đồng. Nguyên nhân do cách tính thuế của Chi nhánh đối với nhà thầu nước ngoài và biểu thuế của Việt Nam có sự khác biệt (số Chi nhánh đang thu nộp thuế thay lớn hơn số thuế thực tế phải nộp phát sinh) nên phát sinh chênh lệch và tồn đọng lũy kế đến nay. Chi nhánh sẽ thực hiện quyết toán thuế trong thời gian tới và Chi nhánh sẽ chuyển số dư (nếu còn số dư) về Công ty theo dõi và xử lý tiếp theo quy định.

(3) Đây là khoản Công ty nhận ký quỹ để đảm bảo thực hiện các dịch vụ liên quan đến đại lý tàu. Công ty TNHH SYMS Việt Nam đã tạm dừng hoạt động/hoặc đã ngừng hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2023	140.964.860.000	147.431.175.238	80.754.300.351	369.150.335.589
- Lãi trong năm	-	-	42.753.710.459	42.753.710.459
- Phân phối lợi nhuận	-	9.792.082.097	(49.614.724.096)	(39.822.641.999)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	9.792.082.097	(9.792.082.097)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(4.581.426.999)	(4.581.426.999)
+ Chia cổ tức	-	-	(35.241.215.000)	(35.241.215.000)
Tại 31/12/2023	140.964.860.000	157.223.257.335	73.893.286.714	372.081.404.049
Tại 01/01/2024	140.964.860.000	157.223.257.335	73.893.286.714	372.081.404.049
- Lãi trong năm	-	-	15.719.016.016	15.719.016.016
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	8.690.298.529	(60.107.238.017)	(51.416.939.488)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	8.690.298.529	(8.690.298.529)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(5.841.384.288)	(5.841.384.288)
+ Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	(466.800.000)	(466.800.000)
+ Chia cổ tức	-	-	(45.108.755.200)	(45.108.755.200)
Tại 31/12/2024	140.964.860.000	165.913.555.864	29.505.064.713	336.383.480.577

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ/ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2024, Công ty phân phối lợi nhuận cho phần trích các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng ban điều hành và chia cổ tức như đã trình bày trên.

21.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty Cổ phần	51,05%	71.968.380.000	51,05%	71.968.380.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	48,95%	68.996.480.000	48,95%	68.996.480.000
Cộng	100%	140.964.860.000	100%	140.964.860.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú,

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****21.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	140.964.860.000	140.964.860.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	140.964.860.000	140.964.860.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

21.4 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2024 CP	Tại 01/01/2024 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.096.486	14.096.486
+ Cổ phiếu phổ thông	14.096.486	14.096.486
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.096.486	14.096.486
+ Cổ phiếu phổ thông	14.096.486	14.096.486
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

21.5 CÁC QUỸ

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	165.913.555.864	157.223.257.335

22. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	1.509.656,69	2.679.831,29
- Đồng Rúp Nga (RUB)	5.707.044,18	2.016.869

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

23. DOANH THU VÀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Doanh thu	825.969.632.896	1.083.660.323.662
- Doanh thu đại lý vận tải	480.898.298.468	559.004.827.756
- Doanh thu kinh doanh kho bãi	116.252.141.628	93.169.375.557
- Doanh thu đại lý tàu	50.868.594.410	78.315.138.673
- Doanh thu đại lý Liner	29.711.801.582	51.229.283.582
- Doanh thu kiểm kiện	17.973.243.174	20.537.768.295
- Doanh thu bán hàng hóa	56.875.605.010	245.201.811.759
- Doanh thu dịch vụ khác	73.389.948.624	36.202.118.040
Cộng	825.969.632.896	1.083.660.323.662
b) Doanh thu với các bên liên quan	11.420.230.897	5.193.123.459
Công ty Vận tải Biển VIMC	1.511.389.767	3.674.363.396
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải	-	924.444.524
Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	393.518.550	149.074.085
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	281.804.000	90.708.000
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	10.083.500	66.914.500
Công ty TNHH Cảng Công - ten - nơ Quốc tế Cái Lân	1.693.573.960	61.579.500
Công ty Cổ phần Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco	24.436.111	54.800.001
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	14.021.111	-
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	144.000.000	82.633.632
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Quốc tế Phía Bắc	4.817.726.171	-
Công ty TNHH Vitamas	1.322.651.579	-
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	2.800.270	-
Công ty Cổ phần Vận Tải Container VIMC	1.203.425.878	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	-	73.924.764
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	-	6.300.000
Công ty Cổ phần VIMC Logistics	800.000	5.712.457
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	-	2.668.600

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn đại lý vận tải	467.659.406.367	539.305.236.433
- Giá vốn kinh doanh kho bãi	108.894.228.587	86.215.866.129
- Giá vốn đại lý tàu	33.367.493.784	57.036.146.013
- Giá vốn đại lý Liner	14.872.887.272	29.387.556.474
- Giá vốn kiểm kiện	9.451.030.695	14.545.560.407
- Giá vốn bán hàng hóa	56.120.919.407	240.550.197.059
- Giá vốn dịch vụ khác	69.789.031.426	32.592.317.953
Cộng	760.154.997.538	999.632.880.468

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú,

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.604.446.538	6.759.614.698
- Lãi bán các khoản đầu tư	80.000.000	13.621.524.089
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.993.595.460	1.900.259.863
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	10.045.723.665	10.902.584.434
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	109.783.492	-
Cộng	15.833.549.155	33.183.983.084

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.007.209.204	2.908.244.539
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	333.185.994	-
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	372.888.166	114.464.068
- Chi phí tài chính khác	989.650	35.998.545
Cộng	3.714.273.014	3.058.707.152

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	35.717.589.157	41.568.001.883
- Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng	2.954.311.616	3.554.720.692
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	2.182.616.687	2.899.133.805
- Thuế, phí và lệ phí	1.378.743.930	1.412.827.410
- Chi phí dự phòng	47.935.805	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.096.085.115	9.249.291.887
- Chi phí bằng tiền khác	10.150.114.199	15.071.736.772
Cộng	59.527.396.509	73.755.712.449

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	134.360.270	420.490.726
- Tiền phạt thu được	1.421.372.001	264.322.036
- Thu nhập từ xử lý các khoản công nợ tồn đọng	-	13.786.048.697
- Thu nhập từ góp vốn bằng TSCĐ	213.054.012	-
- Thu nhập khác	123.246.332	70.891.421
Cộng	1.892.032.615	14.541.752.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***29. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	40.611.350	-
- Các khoản bị phạt	306.824.439	908.266.592
- Các khoản chi phí khác	30.858.573	24.619.314
Cộng	378.294.362	932.885.906

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.920.253.243	54.005.873.651
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	5.015.669.056	3.442.801.049
- Các khoản phạt chậm nộp thuế	162.368.516	-
- Tiền phạt truy thu	-	192.319.900
- Thù lao HĐQT không điều hành	2.446.419.609	1.070.400.000
- Hoàn nhập lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại năm trước	762.796.034	921.188.861
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm nay	827.126.871	211.126.249
- Chi phí không hợp lý khác	816.958.026	1.047.766.039
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế	(3.929.736.166)	(3.140.398.196)
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(1.660.852.724)	(786.299.437)
- Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại năm trước	(274.271.336)	(1.532.463.896)
- Cổ tức lợi nhuận được chia	(1.993.595.460)	(821.634.863)
- Điều chỉnh khác	(1.016.646)	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	21.006.186.133	54.308.276.504
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	4.201.237.227	10.861.655.301
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN năm trước	-	390.507.891
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.201.237.227	11.252.163.192

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	4.426.395.674	10.341.718.083
- Chi phí nhân công	92.155.777.787	118.096.124.228
- Khấu hao tài sản cố định	8.936.389.739	10.802.361.549
- Chi phí dự phòng	47.935.805	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	627.887.458.322	645.547.036.227
- Chi phí bằng tiền khác	30.107.517.313	47.595.468.922
Cộng	763.561.474.640	832.382.709.009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Chi tiết mối quan hệ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc	Công ty con
Công ty TNHH Vitamas	Công ty con
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Công - ten - nơ Quốc tế Cái Lân	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ Phần Vận Tải Container VIMC	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lai Dất Và Vận Tải Cảng Hải Phòng	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần VIMC Logistics	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao (Transvina)	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Hà Nội	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần VIMC Nha Trang	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty Vận tải Biển VIMC	Các đơn vị trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	Công ty liên kết
Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải (Việt Nam)	Công ty nhận vốn đầu tư
Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam)	Công ty nhận vốn đầu tư
Công ty liên doanh Bông Sen	Công ty nhận vốn đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

<u>Giao dịch với các bên liên quan</u>	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Công ty Vận tải Biển VIMC	1.511.389.767	3.674.363.396
- Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	393.518.550	149.074.085
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	281.804.000	90.708.000
- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	10.083.500	66.914.500
- Công ty TNHH Cảng Công - ten - nơ Quốc tế Cái Lân	1.693.573.960	61.579.500
- Công ty Cổ phần Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco	24.436.111	54.800.001
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	2.800.270	-
- Công ty Cổ Phần Vận Tải Container VIMC	1.203.425.878	-
- Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	144.000.000	82.633.632
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	14.021.111	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	-	2.668.600
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải	-	924.444.524
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	-	73.924.764
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	-	6.300.000
- Công ty Cổ phần VIMC Logistics	800.000	5.712.457
- Công ty TNHH Đại lý Vận tải Quốc tế Phía Bắc	4.817.726.171	-
- Công ty TNHH Vitamas	1.322.651.579	-
Mua nguyên liệu, hàng hóa và dịch vụ		
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	59.715.600	3.840.000
- Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	281.553.000	323.503.500
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	1.242.211.690	536.225.200
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	85.649.226	1.400.000
- Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	1.600.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	11.239.859	3.750.000
- Công ty Cổ phần Lai Dắt Và Vận Tải Cảng Hải Phòng	29.273.530	-
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	3.425.590	-
- Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam)	2.665.170	2.620.200
Doanh thu hoạt động tài chính		
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải (Việt Nam)	1.810.868.714	1.667.425.000
- Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam)	127.715.000	122.425.000
- Công ty liên doanh Bông Sen	55.011.746	109.960.627

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

<u>Số dư với các bên liên quan</u>	<u>Tại 31/12/2024</u>	<u>Tại 01/01/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Công ty Vận tải biển VIMC	-	1.084.392.040
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	125.410.683
- Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đinh Vũ	60.000.000	91.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đinh Vũ	36.586.080	-
- Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	64.800.000	85.404.323
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	429.355.145	-
- Công ty Cổ Phần Vận Tải Container VIMC	387.800.000	-
- Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam	15.142.800	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải	-	26.510.000
- Công ty TNHH Đại Lý Vận Tải Quốc Tế Phía Bắc	1.452.204.456	-
Trả trước cho người bán		
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	-	314.883.834
Phải thu khác		
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty Cổ phần	357.798.600	357.798.600
- Công ty Cổ Phần Vận Tải Container VIMC	1.664.846.256	-
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	139.027.181	-
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải (Việt Nam)	1.573.644.014	-
- Công ty Vận tải Biển VIMC	-	654.982.655
- Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đinh Vũ	-	99.002.676
Phải trả người bán ngắn hạn		
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	254.201.458	67.618.206
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	-	184.777.190
- Tổng công ty Hàng Hải Việt nam - CTCP	20.000.000	-
- Công ty TNHH Cảng Công - ten - nơ Quốc tế Cái Lân	3.575.217.879	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Cảng Tân Thuận	-	8.703.288
- Công ty TNHH Vitamas	26.640.579	-
Phải trả khác		
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	2.085.148.635	2.280.058.770
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đinh Vũ	198.779	2.422.823.313
- Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	224.573.843	314.646.277
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Cảng Hiệp Phước	-	127.007.199
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Xí nghiệp Lai dất Tàu biển	-	36.385.800
- Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA	-	841.043.603
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP - PSA	484.526.024	729.914.777
- Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	54.708.779	448.308.416
- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	-	5.136.480
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đinh Vũ	-	7.190.708
- Công ty Cổ phần Tàu lai Cảng Đà Nẵng	1.157.429.129	57.338.160
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	458.307.520	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:		
- Ông Đỗ Tiến Đức - Chủ tịch Hội đồng quản trị	184.396.750	269.568.750
- Ông Vũ Phước Long - Thành viên Hội đồng quản trị	508.190.220	1.029.120.085
- Ông Nguyễn Đình Tú - Phó Tổng Giám đốc phụ trách	1.099.607.627	824.264.749
- Ông Trần Tuấn Hải - Thành viên Hội đồng quản trị	145.528.500	210.352.500
- Ông Nguyễn Đức Thiện - Thành viên Hội đồng quản trị	400.785.200	210.352.500
- Ông Trần Hồng Quang - Thành viên Hội đồng quản trị	107.728.500	210.352.500
- Bà Nguyễn Bích Thảo - Thành viên Hội đồng quản trị	271.285.215	683.963.077
- Ông Nguyễn Thế Tiếp - Thành viên Hội đồng quản trị	126.088.500	210.352.500
- Bà Nguyễn Thị Thanh Trang - Phó Tổng Giám đốc	806.377.800	804.336.751
- Ông Hoàng Việt - Trưởng Ban kiểm soát	61.852.500	199.552.500
- Ông Nguyễn Hồng Hải - Thành viên Ban kiểm soát	116.136.500	166.312.500
- Ông Đặng Hồng Trường - Thành viên Ban kiểm soát	56.112.000	-
- Bà Dương Thị Hồng Hạnh - Trưởng Ban kiểm soát	56.112.000	-
- Ông Nguyễn Sơn Hà - Thành viên Ban kiểm soát	49.228.000	-
- Bà Trần Thị Hạnh - Thành viên Ban kiểm soát	57.832.500	166.312.500
Cộng	4.047.261.812	4.984.840.912

33. THÔNG TIN KHÁC

33.1 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

33.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 21/11/2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 222/QĐ-VOSA/HĐQT về việc thành lập Công ty TNHH VOSA Sài Gòn trực thuộc Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam, dưới hình thức góp vốn bằng tiền với số vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là 17 tỷ đồng. Trước đó, theo Nghị quyết số 47/2024/NQ-TH/HĐQT ngày 16/10/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt Đề án thành lập Công ty TNHH để chuyển đổi mô hình hoạt động của Chi nhánh VOSA Sài Gòn sang Công ty TNHH VOSA Sài Gòn. Đến ngày 03/01/2025, Công ty bắt đầu thực hiện góp vốn bằng tiền và chính thức thành lập Công ty TNHH VOSA Sài Gòn.

Ngoài sự kiện nêu trên, Công ty không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**33.3 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, vị trí khu đất được xác định theo bản đồ số 10547-1/GD-ĐCND tỷ lệ 1/2000 do Sở địa chính - Nhà đất duyệt ngày 02/12/1999 để sử dụng với mục đích đầu tư xây dựng kho bãi và sửa chữa container từ năm 2000 đến năm 2050. Diện tích khu đất thuê là 10.000 m². Công ty thực hiện trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ số 25, đường Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng để sử dụng làm văn phòng và cung cấp các dịch vụ khác từ năm 2016 đến năm 2066. Diện tích khu đất thuê là 2.668,3 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất một lần cho cả thời hạn thuê theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại địa phương nơi đặt Chi nhánh để sử dụng với mục đích làm văn phòng Chi nhánh, kho bãi, cung cấp dịch vụ với thời hạn thuê từ 02 năm đến 50 năm. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

33.4 CÁC THÔNG TIN KHÁC**Các thông tin khác phát sinh trong năm của Công ty:**

- Theo đề án ngày 11/10/2023 về việc thành lập Công ty TNHH Vitamas để chuyển đổi mô hình hoạt động đối với Chi nhánh Vitamas, Công ty TNHH Vitamas đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0318218907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/12/2023. Theo đó, kể từ ngày 01/01/2024 trở đi, toàn bộ nhân viên của Chi nhánh Vitamas đã được chuyển sang ký Hợp đồng lao động và làm việc cho Công ty TNHH Vitamas đồng thời toàn bộ hoạt động của Chi nhánh cũng được chuyển đổi qua Công ty TNHH Vitamas thực hiện từ ngày 01/01/2024 (ngoại trừ các hợp đồng dở dang phát sinh từ trước ngày 01/01/2024 vẫn tiếp tục được thực hiện tại Chi nhánh).

- Theo đề án ngày 20/10/2023 về việc thành lập Công ty TNHH Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc để chuyển đổi mô hình hoạt động đối với Chi nhánh Northfreight, Công ty TNHH Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202226899 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 29/12/2023. Theo đó, kể từ ngày 01/01/2024 trở đi, toàn bộ nhân viên của Chi nhánh Northfreight đã được chuyển sang ký Hợp đồng lao động và làm việc cho Công ty TNHH Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc đồng thời toàn bộ hoạt động của Chi nhánh cũng được chuyển đổi qua Công ty TNHH Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc thực hiện từ ngày 01/01/2024. Hiện tại, Chi nhánh Northfreight đã bàn giao lại toàn bộ giá trị TSCĐ là Nhà cửa, vật kiến trúc; Thiết bị dụng cụ quản lý về cho Công ty. Đối với các khoản mục còn số dư đang theo dõi trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024 của Chi nhánh, Chi nhánh sẽ xử lý các khoản công nợ và thực hiện quyết toán thuế trong thời gian tới đồng thời sau khi hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế, Chi nhánh sẽ chuyển số dư (nếu còn) về Công ty theo dõi và xử lý tiếp theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phương Lan

Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



Nguyễn Đình Tú

